



Xuất nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ của Việt Nam năm 2014

Tô Xuân Phúc (Forest Trends)

Nguyễn Tôn Quyền (Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam)

Huỳnh Văn Hạnh (Hội Gỗ Mỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh)

Trần Lê Huy (Hiệp hội Gỗ và Lâm Sản Bình Định)

Cao Thị Cẩm (Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam)

Tháng 5 năm 2015

Mục lục

Tóm tắt báo cáo	4
I. Giới thiệu.....	8
II. Xuất nhập khẩu gỗ tròn và xẻ của Việt Nam năm 2014.....	10
II.1 Nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ	10
II.2 Xuất khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ	11
III. Các thị trường nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ của Việt Nam	13
III.1 Thị trường nhập khẩu gỗ tròn.....	13
III.2 Thị trường nhập khẩu gỗ xẻ.....	16
IV. Các thị trường xuất khẩu gỗ tròn và xẻ của Việt Nam.....	19
IV.1 Thị trường Việt Nam xuất khẩu gỗ tròn.....	19
IV.2 Thị trường Việt Nam xuất khẩu gỗ xẻ.....	20
V. Một số cửa khẩu chính trong thương mại gỗ tròn và xẻ của Việt Nam.....	22
V.1 Các cửa khẩu nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ chính của Việt Nam từ Lào.....	23
V.2 Các cửa khẩu nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ chính của Việt Nam từ Campuchia	25
V.3. Các cửa khẩu xuất khẩu gỗ tròn và xẻ từ Việt Nam sang Trung Quốc	26
V.4. Các cửa khẩu chính Việt Nam xuất khẩu gỗ tròn và xẻ sang Hồng Kông.....	27
V.5. Các cửa khẩu chính Việt Nam xuất khẩu gỗ tròn và xẻ sang Đài Loan	28
V.6. Cửa khẩu với Hàn Quốc	28
V.7 Cửa khẩu xuất khẩu đi Ấn Độ	28
VI. Một số thảo luận.....	28
VII. Kết luận	32

Danh sách các Bảng

Bảng 1. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ năm 2014	10
Bảng 2. Việt Nam xuất khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ năm 2014	11
Bảng 3. Các thị trường nhập khẩu gỗ tròn lớn nhất của Việt Nam năm 2014	14
Bảng 4. Các loại gỗ tròn chính nhập khẩu vào Việt Nam từ Lào năm 2014	14
Bảng 5. Các thị trường nhập khẩu gỗ xẻ lớn nhất của Việt Nam năm 2014	16
Bảng 6. Các loại gỗ xẻ chính được nhập khẩu vào Việt Nam từ Lào năm 2014	17
Bảng 7. Các loại gỗ chính được nhập khẩu vào Việt Nam từ Campuchia năm 2014	18
Bảng 8. Các loại gỗ xẻ chính được nhập khẩu vào Việt Nam từ Hoa Kỳ năm 2014	18
Bảng 9. Các thị trường nhập khẩu gỗ tròn chính của Việt Nam năm 2014	19
Bảng 10. Các thị trường nhập khẩu gỗ xẻ chính của Việt Nam năm 2014	21
Bảng 11. Các loại gỗ xẻ chính Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam năm 2014	21
Bảng 12. Các cửa khẩu quốc tế chính nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ từ Lào vào Việt Nam năm 2014	24

Danh sách các Hình

Hình 1. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn và xẻ năm 2014	11
Hình 2. Lượng gỗ tròn và xẻ xuất khẩu của Việt Nam năm 2014	12
Hình 3. Tỷ trọng xuất - nhập khẩu gỗ tròn và xẻ của Việt Nam năm 2014	12

Lời cảm ơn

Báo cáo này là sản phẩm hợp tác giữa Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hội Mỹ nghệ Chế biến Gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Tổ chức Forest Trends. Nhóm tác giả xin cảm ơn Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Anh đã trợ giúp một phần kinh phí trong quá trình thực hiện Báo cáo này. Các quan điểm trong Báo cáo là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nêu trên.

Tóm tắt báo cáo

Đến nay Việt Nam đã trở thành một trong những trung tâm chế biến trong chuỗi cung gỗ toàn cầu, với các sản phẩm gỗ chế biến của Việt Nam hiện đang được tiêu thụ tại trên 120 quốc gia và vùng lãnh thổ. Do Việt Nam không phải là quốc gia có nguồn cung gỗ nguyên liệu, đặc biệt là gỗ nhiệt đới có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, ngành chế biến gỗ của Việt Nam hiện vẫn đang phụ thuộc tương đối lớn vào nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu, trong đó bao gồm các mặt hàng thuộc nhóm gỗ tròn và gỗ xẻ. Báo cáo ***Xuất nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ của Việt Nam năm 2014*** phân tích tình hình xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc 2 nhóm gỗ này của Việt Nam năm 2014. Báo cáo cung cấp thông tin về thực trạng xuất khẩu gỗ tròn và xẻ của Việt Nam trong năm này, từ đó cho thấy mức độ phụ thuộc của ngành chế biến gỗ vào nguồn gỗ tròn và xẻ nhập khẩu. Bên cạnh đó Báo cáo đánh giá về tình hình tạm nhập tái xuất 2 mặt hàng này. Thông tin trong Báo cáo được thu thập từ nguồn dữ liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kết hợp với nguồn thông tin từ các Hiệp hội gỗ trong cả nước.

Nhập khẩu gỗ tròn - xẻ năm 2014

Việt Nam nhập khẩu 2 triệu m³ gỗ xẻ (tương đương với 2,8 triệu m³ gỗ quy tròn) và 1,4 triệu m³ gỗ tròn, từ 115 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó lượng chủ yếu là từ 10 quốc gia đứng đầu. Bình quân mỗi tháng Việt Nam nhập khẩu khoảng 350.000 m³ gỗ cả tròn và xẻ. Tổng giá trị nhập khẩu của cả gỗ tròn và xẻ đạt gần 1,72 tỉ USD, tương đương với khoảng 27,5% so với tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và các mặt hàng gỗ của Việt Nam trong cùng năm (6,23 tỉ USD). Giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn trong năm đạt 0,5 tỉ USD, chiếm 41,6% giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ (1,2 tỉ USD).

Đối với gỗ tròn, lượng cung từ 10 quốc gia có nguồn cung lớn nhất cho Việt Nam chiếm 1,15 triệu m³, chiếm 82% tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam. Việt Nam nhập khẩu một lượng lớn gỗ tròn từ Hoa Kỳ (khoảng 61.600m³), Đức (57.000m³) và Malaysia (212.300m³) – các quốc gia có tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu thường rất cao. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn nhập khẩu một lượng lớn gỗ tròn từ các quốc gia trong Tiểu vùng sông Mê Kông, bao gồm Lào và Myanmar. Lượng cung gỗ tròn từ Lào trong năm lên tới 308.600m³ (đứng số 1 trong số 10 quốc gia có lượng cung lớn nhất) và từ Myanmar là 84.300m³ (đứng thứ 5). Gỗ tròn nhập khẩu từ Lào và Myanmar bao gồm một số loài gỗ quý như giổi, trắc, hương và tếch.

Đối với gỗ xẻ, lượng cung từ 10 nước nhập khẩu gỗ xẻ nhiều nhất cho Việt Nam lên tới 1,65 triệu m³, tương đương 82% tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu. Trong số 10 quốc gia này, Lào có lượng cung lớn nhất, với hơn 495.000 m³, tiếp đến là Hoa Kỳ (gần 486.000), New Zealand (trên 155.700m³) và Campuchia (khoảng 153.500m³). Gỗ xẻ từ Lào và Campuchia thường là các loại gỗ quý như hương, trắc, cẩm, với mức giá nhập khẩu bình quân dao động khoảng 1.000 USD/m³. Gỗ xẻ nhập khẩu từ các quốc gia như Hoa Kỳ, New Zealand chủ yếu là sồi,

dương, thông. Các loại gỗ này có mức giá thấp hơn nhiều so với các loại gỗ nhập khẩu từ Lào và Campuchia.

Xuất khẩu gỗ tròn - xẻ năm 2014

Tuy không phải là quốc gia sản xuất gỗ nguyên liệu đặc biệt là gỗ từ rừng tự nhiên, hàng năm Việt Nam vẫn xuất khẩu một lượng tương đối lớn gỗ nguyên liệu có nguồn gốc từ rừng tự nhiên. Điều này chỉ ra rằng gỗ tròn và xẻ Việt Nam xuất khẩu là gỗ có nguồn gốc từ nhập khẩu. Nói cách khác, gỗ tròn và xẻ xuất khẩu từ Việt Nam được thực hiện theo hình thức tạm nhập tái xuất.

Đối với gỗ tròn, năm 2014 Việt Nam xuất khẩu khoảng 89.100m³, tương đương với 42,3 triệu USD về kim ngạch. Lượng gỗ tròn xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 6,2% tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu trong năm. Lượng gỗ tròn còn lại (1,39 triệu m³, chiếm 93,8% trong tổng lượng nhập khẩu) có thể được đưa vào chế biến, phục vụ thị trường nội địa hoặc xuất khẩu, hoặc cả hai. Cũng có thể một lượng gỗ tròn nhập khẩu hiện vẫn chưa được đưa vào chuỗi cung và đang được dự trữ bởi các doanh nghiệp.

Các nước nhập khẩu gỗ tròn nhiều nhất của Việt Nam bao gồm Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc và Hồng Kông. Trong khi gỗ tròn nhập khẩu vào Ấn Độ chủ yếu là gỗ dầu, các loại gỗ chính được nhập khẩu vào Trung Quốc và Hồng Kông chủ yếu là trắc, hương, samu và tếch.

Đối với gỗ xẻ, năm 2014 Việt Nam xuất khẩu gần 456.700m³, tương đương với 204,8 triệu USD về kim ngạch. Lượng gỗ xẻ xuất khẩu chiếm 22,7% tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam. Nói cách khác, khoảng 1,5 triệu m³ gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam (77,3% tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu) được đưa vào chế biến phục vụ thị trường trong nước hoặc xuất khẩu, hoặc cả hai. Có thể một phần trong lượng gỗ xẻ nhập khẩu hiện vẫn chưa được đưa vào lưu thông.

Các nước nhập khẩu gỗ xẻ chính của Việt Nam bao gồm Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản. Các loại gỗ xẻ chủ yếu mà Việt Nam xuất khẩu vào các thị trường này bao gồm gỗ cao su, hương, trắc, cẩm.

Ý nghĩa về chính sách

Việt Nam hàng năm vẫn phải nhập một lượng lớn gỗ tròn và xẻ phục vụ chế biến cho thấy mức độ phụ thuộc của ngành chế biến vào nguồn gỗ nhập khẩu. Các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu một lượng lớn gỗ nhập khẩu có nguồn gốc từ các quốc gia có các quy định chặt chẽ về tính hợp pháp của gỗ, bao gồm cả nguồn gỗ nguyên liệu có chứng chỉ là những tín hiệu tích cực cho ngành, thể hiện mức độ tuân thủ của các doanh nghiệp chế biến để đáp ứng các yêu cầu chặt chẽ về tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu từ một số thị trường xuất khẩu.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn nhập khẩu một lượng gỗ nguyên liệu từ các quốc gia nơi nguồn gốc gỗ vẫn còn nhiều tranh cãi cho thấy sự phát triển của ngành vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro về mặt thị trường. Để có thể khẳng định ngành chế biến đang có những dịch chuyển trong việc sử dụng gỗ nguyên liệu, bao gồm cả nguồn cung từ nhập khẩu từ các nguồn không rõ ràng về nguồn gốc sang các nguồn hợp pháp và bền vững đòi hỏi cần phải có những đánh giá theo chuỗi thời gian.

Tuy nhiên thực trạng Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ nhiều nước cho thấy tính phức tạp trong chuỗi cung gỗ hiện nay. Đảm bảo các chuỗi cung sạch, với nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào hợp pháp đòi hỏi phải có các cơ chế kiểm soát hết sức hiệu quả, từ cả khía cạnh doanh nghiệp và các nhà quản lý. Thiết lập các cơ chế này cũng đòi hỏi phải có những đầu tư thỏa đáng, về các khía cạnh kỹ thuật, tài chính và con người. Các doanh nghiệp chế biến và các cơ quan quản lý của Việt Nam cần có lộ trình và kế hoạch phù hợp nhằm kiểm soát hiệu quả chuỗi cung.

Có thể nói một lượng lớn gỗ tròn và xẻ nhập khẩu vào Việt Nam được đưa vào chế biến, phục vụ thị trường trong nước hoặc xuất khẩu, hoặc cả hai thể hiện tính hạn chế về hiệu quả của chính sách tạm dừng kinh doanh tạm nhập tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên của Lào và Campuchia được Chính phủ ban hành trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, thực hiện chính sách trong thời gian vừa qua cũng có thể làm cho xuất khẩu nguyên liệu gỗ của Việt Nam có nguồn gốc từ nhập khẩu, bao gồm cả nguồn gỗ nhập khẩu từ Lào và Campuchia bị chững lại. Để khẳng định điều này cần phải có những so sánh về động thái xuất nhập khẩu gỗ tròn, gỗ xẻ của Việt Nam trước và sau khi Chính sách được ban hành. Nếu Chính sách có mục tiêu làm tăng hiệu quả kinh tế và xã hội của nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu (thay vì gỗ nhập khẩu được tái xuất như trước kia, gỗ nhập khẩu được đưa vào chế biến sau đó xuất khẩu) thì hiệu quả của Chính sách là hạn chế, bởi một lượng lớn gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Lào và Campuchia hiện vẫn chưa được đưa vào chế biến.

Báo cáo cũng chỉ ra những biến động lớn của một số thị trường xuất nhập khẩu gỗ tròn, gỗ xẻ của Việt Nam, đặc biệt đối với thị trường Myanmar và Trung Quốc. Chính phủ Myanmar áp dụng chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn kể từ đầu năm 2014 làm cho cung gỗ từ nguồn này mất hoàn toàn. Hiện thị trường Trung Quốc vẫn đóng vai trò là động lực chính, thúc đẩy Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu gỗ nguyên liệu, bao gồm cả nguồn gỗ từ Lào và Campuchia. Những thay đổi lớn của nguồn cung nguyên liệu do những thay đổi về chính sách của quốc gia, hay việc lệ quá lớn vào thị trường Trung Quốc là các yếu tố gây bất ổn đến thương mại gỗ tròn và xẻ của các doanh nghiệp Việt Nam. Điều này đòi các doanh nghiệp tham gia thương mại các mặt hàng này cần phải có chiến lược nhằm giảm thiểu rủi ro do biến động của thị trường mang lại.

I. Giới thiệu

Ngành chế biến gỗ của Việt Nam là một trong những ngành phát triển năng động nhất trong những năm vừa qua. Hiện ngành đang hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế, với các sản phẩm gỗ của Việt Nam đang có mặt tại khoảng 120 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2014, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam đạt 6,23 tỉ đô la, nằm trong 5 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu cao nhất của năm. Đến nay, Việt Nam có khoảng 4.200 doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào chế biến và thương mại gỗ; ngoài ra còn có hàng chục nghìn hộ gia đình với hàng trăm nghìn lao động đang hoạt động tại các làng nghề (Tô Xuân Phúc và cộng sự 2012). Các con số này cho thấy ngành đã và đang có những đóng góp quan trọng về các mặt kinh tế và xã hội cho quốc gia.

Việt Nam là một trong số ít nước trên thế giới có tính đặc thù khi tham gia vào chuỗi cung các sản phẩm gỗ toàn cầu. Tính đặc thù này tạo ra bởi do Việt Nam không phải là quốc gia sản xuất gỗ nguyên liệu nhưng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm gỗ lại thuộc các nước có kim ngạch cao nhất tại Châu Á (chỉ sau Trung Quốc đối với mặt hàng đồ gỗ). Đến nay, Việt Nam đã trở thành một trong những trung tâm chế biến đồ gỗ của Thế giới. Chính phủ Việt Nam hiện không cho phép khai thác gỗ từ rừng tự nhiên trừ phần diện tích đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững¹. Nguồn gỗ rừng trồng trong nước ngày càng trở nên quan trọng, với lượng khai thác hàng năm lên tới 17-18 triệu m³ gỗ quy tròn (Tô Xuân Phúc và cộng sự 2014). Tuy nhiên, khoảng 70-80% lượng gỗ khai thác từ rừng trồng là gỗ nhỏ, do vậy được sử dụng làm nguyên liệu cho ngành chế biến dăm phục vụ xuất khẩu; phần còn lại (20-30%) được đưa vào chế đồ gỗ, ván ghép thanh phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu. Lượng cung gỗ nguyên liệu trong nước (chủ yếu là gỗ rừng trồng, còn lại là khoảng 2,5 triệu m³ gỗ từ các vườn cao su thanh lý) không đủ đáp ứng nhu cầu chế biến. Do vậy, hàng năm Việt Nam phải nhập khoảng 4,2 triệu m³ gỗ tròn và xẻ từ 115 quốc gia và vùng lãnh thổ.²

Hàng năm Việt Nam nhập khẩu một khối lượng lớn gỗ nguyên liệu đã làm nảy sinh một số tranh luận về tầm quan trọng của nguồn gỗ nhập khẩu đối với với ngành chế biến gỗ của Việt Nam nói riêng và của cả nền kinh tế nói chung. Một số nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng hàng năm Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khoảng 70% nguyên liệu cho ngành chế biến (Trần Hữu Nghị và Nguyễn Tôn Quyền 2011). Tuy nhiên, trong thời gian gần đây các cơ quan quản lý thường đưa ra con số là khoảng 50-60%. Sự khác nhau về con số liên quan đến tỷ trọng gỗ nguyên liệu nhập khẩu phần nào phản ánh sự thiếu hụt thông tin về lượng gỗ nguyên liệu

¹ Đến nay Việt nam có khoảng 48.800 ha rừng tự nhiên đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, trong đó diện tích thuộc Công ty Lâm nghiệp Đắc Tô là 15.700 ha, và diện tích của Công ty Long Đại là 33.149 ha (Nguồn: FSC 2015).

² Năm 2014 Việt Nam nhập khẩu khoảng 2 triệu m³ gỗ xẻ (tương đương với 2,8 triệu m³ gỗ quy tròn) và 1,4 triệu m³ gỗ tròn.

nhập khẩu, lượng gỗ được tiêu thụ tại thị trường nội địa và lượng gỗ xuất khẩu nằm trong các sản phẩm đã được chế biến (Tô Xuân Phúc và cộng sự 2014).

Một số cơ quan quản lý cho rằng phụ thuộc vào nguồn cung gỗ nguyên liệu từ bên ngoài làm cho ngành chế biến không chủ động trong sản xuất kinh doanh, và điều này thể hiện tính không bền vững trong phát triển của ngành. Theo các nhà quản lý, để ngành phát triển bền vững nguồn cung gỗ rừng trồng trong nước cần phải được đẩy mạnh, từng bước thay thế nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp của Việt Nam đề ra mục tiêu đến 2020 lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu sẽ chỉ còn 30% trong tổng lượng gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến và 70% lượng còn lại sẽ được đáp ứng bởi nguồn cung gỗ rừng trồng trong nước (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 2006).

Tuy nhiên, một số doanh nghiệp lại cho rằng trong nền kinh tế hội nhập toàn cầu, với mỗi quốc gia có thể chỉ đóng vai trò trong những khâu nhất định của chuỗi cung. Do vậy, phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu không nhất thiết phản ánh tính không bền vững trong phát triển của ngành. Tuy nhiên, các theo các doanh nghiệp này, vấn đề quan trọng là làm thế nào để có những cơ chế hiệu quả nhằm đảm bảo tính hợp pháp của nguồn gỗ nhập khẩu, từ đó giảm rủi ro cho các doanh nghiệp khi tham gia chuỗi cung toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh các quy định của thị trường xuất khẩu càng ngày càng chặt chẽ hơn về mặt nguồn gốc và tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu.

Gỗ tròn và gỗ xẻ là 2 nhóm mặt hàng gỗ nguyên liệu quan trọng nhất được nhập khẩu vào Việt Nam. Dựa trên dữ liệu thống kê của Tổng cục Hải quan năm 2014, Báo cáo mô tả thực trạng xuất nhập khẩu đối với 2 nhóm mặt hàng này. Các mặt hàng thuộc nhóm gỗ tròn (mã Hải quan HS 4403) (sau đây được gọi tắt là gỗ tròn) bao gồm gỗ cây đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dác gỗ hoặc đẽo vuông thô. Các mặt hàng thuộc nhóm gỗ xẻ (HS 4407) (gỗ xẻ) bao gồm gỗ đã cưa xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp hoặc ghép nối đầu, có bề dày trên 6 mm. Chi tiết các loại gỗ trong mỗi nhóm được mô tả tại website của Tổng cục Hải quan theo địa chỉ <http://www.customs.gov.vn/SitePages/Tariff.aspx>.

Báo cáo này chỉ tập trung mô tả thực trạng xuất nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ của Việt Nam năm 2014. Những thay đổi về xuất nhập khẩu 2 nhóm mặt hàng này trong giai đoạn 2012 - 2014 nằm trong khuôn khổ của một báo cáo khác đang được soạn thảo bởi nhóm tác giả. Mối quan hệ tương tác giữa xuất khẩu và nhập khẩu đối với mặt hàng gỗ tròn và xẻ của Việt Nam chỉ ra một số khía cạnh quan trọng có liên quan đến các chính sách về thương mại gỗ như tạm nhập tái xuất, thay đổi của thị trường và nỗ lực của Chính phủ và doanh nghiệp trong việc kiểm soát tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Báo cáo được chia làm 7 phần chính. Sau phần Giới thiệu (Phần I), phần Tổng quan (Phần II) mô tả những nét chính về thị trường xuất nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ, thể hiện qua các con số về kim ngạch và lượng xuất nhập khẩu được phân theo các thị trường. Phần III đi sâu vào thị trường nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ chính của Việt Nam, Phần IV mô tả các thị trường xuất khẩu chính. Trong Phần V, Báo cáo trình bày hoạt động xuất nhập khẩu gỗ tròn và xẻ

của Việt Nam qua các kênh nhập khẩu khác nhau. Phần VI (Thảo luận) đưa ra một số nhận xét về mối quan hệ giữa thực trạng xuất nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ của Việt Nam với các chính sách hiện hành của quốc gia và của một số quốc gia khác có liên quan. Phần VII kết luận báo cáo.

II. Xuất nhập khẩu gỗ tròn và xẻ của Việt Nam năm 2014

II.1 Nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ

Trong năm 2014, Việt Nam nhập khẩu tổng 2 triệu m³ gỗ xẻ (tương đương 2,8 triệu m³ gỗ quy tròn) và 1,4 triệu m³ gỗ tròn.

Giá trị kim ngạch nhập khẩu của 2 mặt hàng này đạt gần 1,72 tỉ USD. Nếu so với tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2014 (6,23 tỉ USD), giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn và xẻ tương đương với 27,5%. Bảng 1 thể hiện số lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn và xẻ của Việt Nam.

Bảng 1. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ năm 2014

Gỗ tròn		Gỗ xẻ		Tổng gỗ tròn và xẻ	
Số lượng (m ³)	Giá trị (triệu USD)	Số lượng (m ³)	Giá trị (triệu USD)	Số lượng (m ³)	Giá trị (triệu USD)
1.424.567	505,7	2.006.675	1.212,86	3.431.242	1.718,6

Lượng gỗ xẻ nhập khẩu cao gấp 1,4 lần lượng gỗ tròn nhập khẩu. Tổng kim ngạch gỗ xẻ nhập khẩu cao gấp 2,4 lần kim ngạch gỗ tròn nhập khẩu.

Bình quân mỗi m³ gỗ tròn nhập khẩu giá khoảng 355 USD; mỗi m³ gỗ xẻ nhập khẩu giá giá 604 USD. Nói cách khác, gỗ xẻ nhập khẩu thường là các loại gỗ có giá trị cao hơn gỗ tròn nhập khẩu.

Trong năm 2014 bình quân mỗi tháng Việt Nam nhập khẩu gần 350.000m³ gỗ quy tròn cho cả 2 loại tròn và xẻ. Hình 1 thể hiện sự thay đổi về lượng gỗ tròn và gỗ xẻ mà Việt Nam nhập khẩu.